

Số: 768 /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày 22... tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đình chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty Xử lý Nước thải Bãi Dài tại Văn bản số 09/CV-XLNTBD ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án "Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh" tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 11.0.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày 20... tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Xử lý Nước thải Bãi Dài, địa chỉ tại số 09 Phan Văn Trị, Cầu Đá, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh.

Quy trình công nghệ: Nước thải → Trạm bơm đầu vào và hệ thống chắn rác thô → Hệ thống chắn rác, lọc cát → Trạm phân phối nước thải → Bể sục (Bể xử lý sinh học) → Bể xử lý bổ sung (Bể lắng sinh học) → Hệ thống khử khuẩn UV → Trạm quan trắc đầu ra → Bể chứa nước sau xử lý → Bơm để tưới cây, rửa đường và tự chảy ra Đầm thủy triều. Bùn → Trạm bơm bùn dư, tuần hoàn → Bể thu gom bùn → Bể chứa nước bùn → Hệ thống tách nước bùn, xử lý bùn.

- Công suất thiết kế: 7.000 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Polymer 14 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Vị trí lắp đặt: Trạm quan trắc đầu ra.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, Nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.
- Camera theo dõi: Lắp đặt camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ kỹ thuật chuyên trách về môi trường theo dõi quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải trong suốt quá trình hoạt động của hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, bàn giao. Cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố.

- Tại nhà máy xử lý nước thải các bể xử lý đều được thiết kế với 02 modul chạy song song hoặc trang bị thiết bị dự phòng. Điều này đã giúp hạn chế việc xảy ra sự cố, khi một đơn nguyên gặp sự cố vẫn còn một đơn nguyên hoạt động giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cụ thể:

+ Đối với trạm bơm đầu vào, lược rác thô: Tất cả các loại rác thô được vớt ra khỏi nước thải với sự hỗ trợ của hai tuyến gầu vớt rác. Trong trường hợp sự cố xảy ra hay khi thực hiện các công việc bảo dưỡng có thể cho ngưng một tuyến. Trạm bơm đầu vào được trang bị 5 máy bơm đặt ngầm với cùng một công suất, tại đây có 4 máy bơm luân phiên làm việc và 1 máy bơm với vai trò dự phòng.

+ Hệ thống chắn rác, lọc cát: thiết kế xây dựng 02 modul chắn rác, lọc cát tinh.

+ Trạm phân phối nước thải: được thiết kế ngăn làm 04 hõ ga, mỗi hõ ga được trang bị van cửa điều chỉnh nước thải phân phối về từng bể sục theo ý muốn. Qua đó, trong điều kiện xảy ra sự cố hay thực hiện các công việc bảo dưỡng có thể cho ngưng hoạt động một bể sục theo ý muốn.

+ Bể sục (bể xử lý sinh học): được thiết kế 04 bể, với thể tích mỗi bể 4.042,7 m³. Tổng thể tích 04 bể là 16.170,9 m³. Thể tích bể được xây dựng lớn hơn 2,3 lần

lưu lượng nước đầu vào. Do vậy, trong trường hợp gặp sự cố hoặc bảo dưỡng tại 1 bể sẽ ngưng hoạt động tại bể đó thông qua van cửa phai, các bể còn lại vẫn hoạt động và có thể sử dụng như công trình ứng phó sự cố.

+ Bể xử lý bổ sung (bể lắng sinh học): được thiết kế xây dựng 02 module, với thể tích mỗi bể 1.540,5 m³ (D=21 m, H=4,45 m). Tổng thể tích 02 bể là 3.081 m³. Trong trường hợp gặp sự cố 01 bể có thể cho ngưng để sửa chữa và hoạt động ở bể còn lại.

+ Hệ thống khử khuẩn UV: Hệ thống khử khuẩn bao gồm hai tuyến, trong trường hợp có sự cố hay thực hiện công việc bảo dưỡng hay sửa chữa có thể cho ngưng vận hành một tuyến.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua hệ thống quan trắc tự động, liên tục hoặc chương trình giám sát nước thải đầu ra định kỳ hoặc đột xuất, sẽ thực hiện đóng van đường dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận, toàn bộ nước thải xử lý chưa đạt được bơm về trạm phân phối nước thải để xử lý lại đảm bảo nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường, đồng thời rà soát kiểm tra lại toàn bộ quá trình xử lý nước thải gặp sự cố tại bể nào để kịp thời phát hiện khắc phục sự cố.

- Nhà máy xử lý nước thải có 04 bể xử lý chính, mỗi bể có thể tích 4.042,7 m³/ngày đêm (D = 30,6 m và H = 5,5m). Tổng thể tích của 4 bể là 16.170,9 m³. Như vậy, khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố có thể dùng các bể này để lưu chứa nước thải trong thời gian khắc phục sự cố, cụ thể:

+ Giai đoạn đầu lượng nước thải chưa nhiều chỉ chạy 1 module thì 03 module còn lại có thể sử dụng như công trình ứng phó sự cố.

+ Giai đoạn chạy lên 50% - 70% tổng công suất tương đương với 3.500 m³/ngày đêm đến 4.900 m³/ngày đêm thì 02 module còn lại có thể sử dụng như công trình ứng phó sự cố.

+ Đến giai đoạn gần đạt 100 % công suất thì sẽ tiến hành sử dụng đất dự trữ cho công trình ứng phó sự cố với kết cấu hồ lót màng HDPE.

- Lập nhật ký theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với sự cố mất điện: có lắp đặt 02 máy phát điện dự phòng công suất 400 KVA đặt tại nhà trung tâm năng lượng. Khi lưới điện bị mất, máy phát điện dự phòng sẽ hoạt động để cung cấp điện cho hệ thống xử lý nước thải vận hành liên tục và nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn xả thải theo quy định.

- Lắp đặt đầy đủ các thông số giám sát nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý.

- Tiến hành khắc phục sự cố theo quy trình khắc phục sự cố đã ban hành trong hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 đáp ứng Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 02, số 03 và số 4 được đầu trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (không cần xử lý đạt quy chuẩn).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian, vận hành thử nghiệm: 06 tháng (bắt đầu từ tháng 04/2024 và kết thúc vào tháng 10/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải trước xử lý: tại trạm bơm đầu vào.

- Nước thải sau xử lý: tại trạm quan trắc đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Mục A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm với tần suất 15 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh với tần suất 01 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có kế hoạch xả nước thải sau xử lý theo chế độ triều của Đàm Thủy Triều cho phù hợp.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chủ dự án lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.8. Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) nêu tại Mục 1.3 Phần B Phụ lục này và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...768.../GPMT-UBND ngày...tháng...năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (17 02 03); Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (18 02 01); Hộp mực in có các thành phần nguy hại (08 02 04). Khối lượng phát sinh khoảng 20 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Rác thô: khoảng 72 m³/năm.
- Rác tinh: khoảng 288 m³/năm.
- Cát: khoảng 153 m³/năm.
- Bùn thải: khoảng 3.157 m³/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 2.920 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: thùng lưu chứa có dung tích 120 lít, bằng nhựa HDPE và có nắp đậy kín.

- Kho lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 4m×3,8m nằm trong khu vực nhà kho và xưởng sửa chữa.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa, đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; được trang bị các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về PCCC; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; khai báo khối lượng và tình

hình quản lý CTNH trong báo cáo công tác BVMT hàng năm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Rác thô: được lưu chứa trong 04 thùng chứa có dung tích 1,1 m³; bằng sắt và có nắp đậy, được đặt trong nhà trạm bơm đầu vào.

- Cát và rác tinh: được lưu chứa trong 02 thùng chứa container có dung tích 5,5 m³; bằng thép; được đặt trong nhà hệ thống chắn rác, lọc cát.

- Bùn thải: được lưu chứa trong 02 thùng chứa container có dung tích 10 m³; bằng thép; được đặt trong nhà hệ thống tách nước bùn.

- Đơn vị vận hành sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vào cuối mỗi ngày làm việc và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác có dung tích 20 lít đặt tại nhà vận hành, các khu vực trong nhà máy, ... Hàng ngày, lượng rác thải này được thu gom vào thùng rác bằng nhựa 120 lít có nắp đậy đặt gần khu vực công ra vào. Đơn vị vận hành sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vào cuối mỗi ngày làm việc và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.


